

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2011	01/01/2011
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		813.034.065.255	835.534.887.624
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	12.992.366.476	23.600.173.289
111	1. Tiền		9.992.366.476	10.000.173.289
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000	13.600.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	-	1.400.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	1.400.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		172.585.335.299	208.198.481.282
131	1. Phải thu của khách hàng		116.373.431.474	151.317.311.569
132	2. Trả trước cho người bán		14.121.720.231	17.574.751.621
135	5. Các khoản phải thu khác	5	42.090.183.594	39.306.418.092
140	IV. Hàng tồn kho		564.307.508.761	554.193.652.941
141	1. Hàng tồn kho	6	564.307.508.761	554.193.652.941
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		63.148.854.719	48.142.580.112
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		759.452.984	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	62.389.401.735	48.142.580.112
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		13.913.978.624	14.904.323.896
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		856.506.881	856.506.881
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		856.506.881	856.506.881
220	II. Tài sản cố định		3.204.804.207	3.485.306.973
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	3.204.804.207	3.485.306.973
222	- Nguyên giá		12.217.362.656	12.206.862.656
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(9.012.558.449)	(8.721.555.683)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	7.610.000.000	7.610.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		7.610.000.000	7.610.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.242.667.536	2.952.510.042
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.774.162.330	2.407.146.722
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		457.505.206	534.363.320
268	3. Tài sản dài hạn khác		11.000.000	11.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		826.948.043.879	850.439.211.520

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		704.022.119.466	710.499.728.849
310	I. Nợ ngắn hạn		702.189.679.801	708.672.338.813
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	170.197.014.000	160.509.883.400
312	2. Phải trả người bán		233.650.724.004	242.420.764.070
313	3. Người mua trả tiền trước		74.902.429.323	75.567.193.123
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.905.869.021	8.658.755.969
316	6. Chi phí phải trả	13	53.920.973.494	54.266.571.094
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	165.976.112.924	168.006.081.635
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.636.557.035	-756.910.478
330	II. Nợ dài hạn		1.832.439.665	1.827.390.036
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		582.743.482	577.693.853
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		1.249.696.183	1.249.696.183
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		118.553.353.812	135.911.693.486
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	118.553.353.812	135.911.693.486
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		99.999.440.000	99.999.440.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		9.556.858.889	2.035.928.453
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		6.090.531.213	4.586.345.126
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.906.523.710	29.289.979.907
439	C. LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỐ		4.372.570.601	4.027.789.185
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>826.948.043.879</u>	<u>850.439.211.520</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2011 VND	01/01/2011 VND
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Euro (EURO)		220,16	369,13

Lê Thị Lan

Lê Thị Lan
Kế toán trưởng



Phan Trường Sơn
Phan Trường Sơn
Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 05 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2011 VND	Quý I năm 2010 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	97.625.652.455	90.570.458.214
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	-	764.160.909
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	97.625.652.455	89.806.297.305
11	4. Giá vốn hàng bán	19	88.894.478.452	78.050.783.849
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.731.174.003	11.755.513.456
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1.895.451.145	513.046.361
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		5.513.102.782	6.228.460.977
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		5.113.522.366	6.040.098.840
31	11. Thu nhập khác		1.292.350	6.400.000
32	12. Chi phí khác		-	55.741.400
40	13. Lợi nhuận khác		1.292.350	(49.341.400)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.114.814.716	5.990.757.440
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	1.269.303.490	1.661.049.229
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		9.400.190	(78.590.256)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.836.111.036	4.408.298.467
	Trong đó:			
	- Lợi nhuận sau thuế chia cho đối tác		-	-
	- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông trong Công ty		3.836.111.036	4.408.298.467
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		135.845.490	(54.315.071)
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		3.700.265.546	4.462.613.538
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		370	893

Handwritten signature
Lê Thị Lan
Kế toán trưởng

Handwritten signature
Phan Trường Sơn
Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 05 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý I năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2011 VND	Quý I năm 2010 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		147.974.453.495	135.726.438.319
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(144.057.667.299)		(111.179.630.043)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(16.278.280.871)		(10.075.078.904)
04	4. Tiền chi trả lãi vay	(4.142.676.055)		-
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.594.079.225)		(7.042.802.416)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	8.297.488.561		769.640.866
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(18.324.009.164)		(52.511.764.980)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(31.124.770.558)	(44.313.197.158)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(10.500.000)		(29.531.818)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(6.750.000.000)		-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	22.750.000.000		2.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(18.000.000.000)		(32.500.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.000.000.000		41.500.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	83.879.145		528.781.361
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		15.073.379.145	11.499.249.543
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	76.143.908.000		62.337.700.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(70.700.323.400)		(54.837.958.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		5.443.584.600	7.499.741.500
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(10.607.806.813)	(25.314.206.115)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		23.600.173.289	29.816.649.890
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	12.992.366.476	4.502.443.775



Lê Thị Lan
Kế toán trưởngPhan Trường Sơn
Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 05 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2011

1. THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà Hà Đông, được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ-UB ngày 01/10/1995 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tây và được đổi tên thành Công ty Xây dựng Đầu tư Phát triển đô thị số 3 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị theo Quyết định số 1151/QĐ-BXD ngày 18/08/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1182/QĐ-BXD ngày 22/07/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0303000209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội), đăng ký lần đầu ngày 20/09/2004.

Trụ sở của Công ty tại: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 99.999.440.000 VND. Tương đương 9.999.944 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Công ty tại Miền Nam	Số 26 Trường Sa, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP HCM
- Các đội xây dựng	Tại trụ sở Công ty

Công ty có các công ty con sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Đại chỉ</u>
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	B4-TT13, KĐT mới Văn Quán, Quận Hà Đông, TP Hà Nội

Thông tin về công ty con của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 9.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Thi công, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị và công nghiệp. Xây dựng các công trình công cộng, công viên sinh vật cảnh. Xây dựng các công trình văn hóa thể thao, du lịch, tu bổ tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa xã hội;
- Lắp đặt điện nước, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình;
- Lập, quản lý các dự án đầu tư xây dựng;
- Trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi Nhà nước cho phép);

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

- Đầu tư các dự án phát triển nhà và đô thị;
- Sản xuất vỏ bao xi măng;
- Đầu tư phát triển các khu du lịch sinh thái;
- Sản xuất kinh doanh đồ gỗ dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp;
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp./.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2011. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	06 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng (hoặc theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành / hoặc theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của Hợp đồng).

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản, người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi phí thực tế phát sinh sẽ được ghi giảm vào tài khoản phải trả này.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Hợp đồng ủy thác đầu tư

Các tài sản đầu tư và vốn ủy thác nhận được từ các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác đầu tư được ghi nhận và trình bày là các khoản phải thu và các khoản phải trả cho người ủy thác đầu tư trên Bảng cân đối kế toán của Công ty.

Thay đổi phương pháp hạch toán doanh thu và chi phí từ hoạt động đi vay và cho các đội vay lại vốn vay

Năm 2009, doanh thu từ hoạt động cho các đội vay vốn được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính và chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính. Năm 2010, theo hướng dẫn của Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị, Công ty đã thay đổi phương pháp hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính của hoạt động cho các đội vay vốn sang hạch toán bù trừ phát sinh trên chi phí quản lý doanh nghiệp và không thực hiện điều chỉnh hồi tố cho các năm trước.

Phương pháp hạch toán doanh thu và chi phí từ hoạt động cho các đội thuê máy

Doanh thu và giá vốn của hoạt động cho thuê máy móc thiết bị được hạch toán bù trừ phát sinh trên chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	4.014.234.762	5.861.303.288
Tiền gửi ngân hàng	5.978.131.714	4.138.870.001
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	13.600.000.000
	12.992.366.476	23.600.173.289

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/03/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	-	1.400.000.000
	-	1.400.000.000

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về tiền ủy thác của nhà đầu tư	32.483.000.000	32.483.000.000
Phải thu về chi phí Ban điều hành Dự án Bắc Ninh	2.744.676.053	2.744.676.053
Phải thu về các đội xây lắp	2.290.276.150	2.290.276.150
Phải thu khác	4.572.231.391	1.788.465.889
	42.090.183.594	39.306.418.092

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	564.307.508.761	554.193.652.941
	564.307.508.761	554.193.652.941

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	62.389.401.735	48.142.580.112
	62.389.401.735	48.142.580.112

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư đầu năm	-	6.363.470.325	4.752.042.752	1.068.622.306	22.727.273	12.206.862.656	
Số tăng trong năm	-	-	-	10.500.000	-	10.500.000	
- Mua sắm mới	-	-	-	10.500.000	-	10.500.000	
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối năm	-	6.363.470.325	4.752.042.752	1.079.122.306	22.727.273	12.217.362.656	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu năm	-	5.448.613.773	2.512.998.892	737.215.745	22.727.273	8.721.555.683	
Số tăng trong năm	-	71.540.498	165.764.756	53.697.512	-	291.002.766	
- Trích khấu hao	-	71.540.498	165.764.756	53.697.512	-	291.002.766	
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối năm	-	5.520.154.271	2.678.763.648	790.913.257	22.727.273	9.012.558.449	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Đầu năm	-	914.856.552	2.239.043.860	331.406.561	-	3.485.306.973	
Cuối năm	-	843.316.054	2.073.279.104	288.209.049	-	3.204.804.207	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/03/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	7.610.000.000	7.610.000.000
	<u><u>7.610.000.000</u></u>	<u><u>7.610.000.000</u></u>
Đầu tư dài hạn khác	31/03/2011	01/01/2011
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty CP Nikko ⁽¹⁾	2.610.000.000	2.610.000.000
Góp vốn thành lập Công ty CP Đầu tư Phát triển Kiến Hưng ⁽²⁾	5.000.000.000	5.000.000.000
	<u><u>7.610.000.000</u></u>	<u><u>7.610.000.000</u></u>

(1) Đầu tư mua cổ phiếu để trở thành cổ đông chiến lược của Công ty Cổ phần Nikko theo hợp đồng đầu tư và hợp tác kinh doanh số 35/HĐĐT\$HTKD ngày 15/06/2007. Số lượng cổ phần hiện đang nắm giữ là 214.200 cổ phần, thời gian hạn chế chuyển nhượng là 3 năm.

(2) Công ty CP Đầu tư Phát triển Kiến Hưng là công ty cổ phần được thành lập mới và hiện nay đang trong quá trình đầu tư thực hiện dự án, chưa phát sinh doanh thu.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/03/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thương hiệu HUD	208.125.000	277.500.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	1.566.037.330	2.129.646.722
	<u><u>1.774.162.330</u></u>	<u><u>2.407.146.722</u></u>

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/03/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	170.197.014.000	160.509.883.400
- Vay ngân hàng	121.987.014.000	111.499.129.400
- Vay đối tượng khác	48.210.000.000	49.010.754.000
	<u><u>170.197.014.000</u></u>	<u><u>160.509.883.400</u></u>
Chi tiết vay ngắn hạn	31/03/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (1)	115.331.261.000	102.524.118.000
Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô ⁽²⁾	6.655.753.000	8.975.011.400
Vay cá nhân ⁽³⁾	48.210.000.000	49.010.754.000
	<u><u>170.197.014.000</u></u>	<u><u>160.509.883.400</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/03/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	230.014.486	3.661.393.912
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.521.388.616	4.846.164.351
Thuế Thu nhập cá nhân	154.465.919	151.197.706
	1.905.869.021	8.658.755.969

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/03/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí Dự án CT18	53.632.973.494	53.978.571.094
Trích trước chi phí lãi vay	288.000.000	288.000.000
	53.920.973.494	54.266.571.094

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	47.067.328	21.354.389
Bảo hiểm xã hội	148.680.216	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.155.689.131	1.155.689.131
Phải trả cổ tức	18.411.238.822	1.115
Phải trả, phải nộp khác	146.213.437.427	166.829.037.000
	165.976.112.924	168.006.081.635

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	2.954.800.604	18.946.605.510	4.594.356.315	-1.590.508.833	74.905.253.596
Tăng vốn trong năm trước	49.999.440.000	-	-	-	-	49.999.440.000
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	31.592.524.291	31.592.524.291
Phân phối lợi nhuận	-	-	158.425.339	-	-158.425.339	-
Tăng khác	-	-	-	-	8.011.189	8.011.189
Tăng vốn từ nguồn thặng dư	-	-2.954.800.604	-	-	-	-2.954.800.604
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	-17.069.102.396	-	-	-17.069.102.396
Giảm khác	-	-	-	-8.011.189	-561.621.401	-569.632.590
Số dư đầu kỳ	99.999.440.000	-	2.035.928.453	4.586.345.126	29.289.979.907	135.911.693.486
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	3.700.265.546	3.700.265.546
Phân phối lợi nhuận	-	-	7.520.930.436	1.504.186.087	(30.083.721.743)	(21.058.605.220)
Số dư cuối kỳ	99.999.440.000	-	9.556.858.889	6.090.531.213	2.906.523.710	118.553.353.812

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	99.999.440.000	99.999.440.000
- Vốn góp đầu năm	99.999.440.000	50.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	49.999.440.000
- Vốn góp cuối năm	99.999.440.000	99.999.440.000

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.999.944	9.999.944
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.999.944	9.999.944
- Cổ phiếu phổ thông	9.999.944	9.999.944
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.999.944	9.999.944
- Cổ phiếu phổ thông	9.999.944	9.999.944
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/03/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.556.858.889	2.035.928.453
Quỹ dự phòng tài chính	6.090.531.213	4.586.345.126
	15.647.390.102	6.622.273.579

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
	VND	VND
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	20.344.657.002	29.156.254.800
Doanh thu hợp đồng xây dựng	76.073.036.363	61.071.731.959
Doanh thu cho thuê máy móc, thiết bị	1.207.959.090	342.471.455
	97.625.652.455	90.570.458.214

17 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	-	764.160.909
	-	764.160.909

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

18 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Quý I năm 2011</u>	<u>Quý I năm 2010</u>
	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bất động sản	20.344.657.002	29.156.254.800
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	76.073.036.363	60.307.571.050
Doanh thu thuần cho thuê máy móc thiết bị	1.207.959.090	342.471.455
	<u>97.625.652.455</u>	<u>89.806.297.305</u>

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Quý I năm 2011</u>	<u>Quý I năm 2010</u>
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	17.101.521.748	20.684.506.083
Giá vốn hợp đồng xây dựng	71.371.465.218	57.249.344.462
Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị	421.491.486	116.933.304
	<u>88.894.478.452</u>	<u>78.050.783.849</u>

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Quý I năm 2011</u>	<u>Quý I năm 2010</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	83.879.145	261.866.361
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.811.572.000	251.180.000
	<u>1.895.451.145</u>	<u>513.046.361</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Quý I năm 2011</u>	<u>Quý I năm 2010</u>
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.269.303.490	1.661.049.229
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	<u>1.269.303.490</u>	<u>1.661.049.229</u>

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	<u>Quý I năm 2011</u>	<u>Quý I năm 2010</u>
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	3.700.265.546	4.462.613.538
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.700.265.546	4.462.613.538
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.999.944	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>370</u>	<u>893</u>

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



Lê Thị Lan
Kế toán trưởng


Phan Trường Sơn
Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 05 năm 2011